

Bản án số 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16-9-2020

V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Phạm Thị Bẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Đình Hưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 184/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng B D; nơi cư trú: Thôn C, xã Chiến Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đoàn Thị T H; nơi cư trú: Số 9/24 đường L, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đặng B D trình bày:

Anh và chị Đoàn T H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam và có làm thủ tục đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 3 năm 2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, lối sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay mỗi người ở một nơi, không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay bản thân a D xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Đặng B D và chị Đoàn Thị T H có 02 con chung là Đặng Thị N A, sinh ngày 02/6/2012 và Đặng B Q, sinh ngày 14/12/2013. Khi ly hôn a D có nguyện vọng xin được nuôi cháu lớn là Đặng Thị N A và giao cháu nhỏ là Đặng B Q cho chị Đoàn Thị T H nuôi. Về nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con a D và chị H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đặng B D và chị Đoàn Thị T H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đoàn Thị T H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai chị H trình bày:

Chị và anh Đặng B D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiến Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 3 năm 2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, lối sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay mỗi người ở một nơi, không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay a D xin ly hôn mặc dù bản thân chị không còn tình cảm với a D nhưng chị không muốn ly hôn.

Về con chung: Chị Đoàn Thị T H và anh Đặng B D có 02 con chung là Đặng Thị N A, sinh ngày 02/6/2012 và Đặng B Q, sinh ngày 14/12/2013. Khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi hai con. Về nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ của hai bên gia đình đều khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của a D và chị H là trầm trọng. Xác minh tại chính quyền địa phương hai con chung của chị H và a D là Đặng Thị

N A, sinh ngày 02/6/2012 và Đặng B Q, sinh ngày 14/12/2013 hiện đã đến tuổi đi học nhưng không được đi học.

Tại phiên tòa:

Anh Đặng B D giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai.

Bị đơn chị H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng việc thụ lý vụ án cũng như quá trình xây dựng lập hồ sơ và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Phía nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn của anh Đặng B D và chị Đoàn Thị T H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Đặng B D được ly hôn với chị Đoàn Thị T H; về con chung: Đề nghị giao con lớn Đặng Thị N A, sinh ngày 02/6/2012 cho a D nuôi; giao con nhỏ Đặng B Q, sinh ngày 14/12/2013 cho chị H nuôi; về tài sản chung: A D và chị H không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí anh Đặng B D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Đoàn Thị T H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[2] Anh Đặng B D và chị Đoàn Thị T H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiến Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng nên quan hệ hôn nhân của a D và chị H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Sau khi chung sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm làm kinh tế, lối sống, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Xét cuộc sống chung của a D và

chị H không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận cho anh Đặng B D được ly hôn với chị Đoàn Thị T H là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng B D đối với chị Đoàn Thị T H.

+ Về con chung:

[4] Về con chung: Anh Đặng B D và chị Đoàn Thị T H có hai con chung là Đặng Thị N A, sinh ngày 02/6/2012 và Đặng B Q, sinh ngày 14/12/2013. Chị H hiện đang nuôi hai con, do các cháu N A và Quân đều đã đến tuổi đi học nhưng chị không cho các cháu đi học. Vì vậy nguyện vọng của a D xin được nuôi con lớn là Đặng Thị N A để cho cháu được đi học được Hội đồng xét xử chấp nhận, giáo dục cháu Đặng B Q cho chị H nuôi là phù hợp. Về nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con a D và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung:

[5] Anh Đặng B D và chị Đoàn Thị T H không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí:

[6] Anh Đặng B D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng B D được ly hôn với chị Đoàn Thị T H.

2. Về con chung: Giao con lớn Đặng Thị N A, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2012 cho anh Đặng B D trực tiếp nuôi; giao con nhỏ Đặng B Q, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2013 cho chị Đoàn Thị T H trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con a D và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Đặng B D và chị Đoàn Thị T H không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đặng B D phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Đặng B D đã nộp tại Chi cục Thi hành án quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006467 ngày 27/5/2020 Anh Đặng B D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn anh Đặng B D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn chị Đoàn Thị T H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Đường sự;
- UBND xã Chiến Thắng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (đăng ký ngày 05/3/2012);
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang